

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

GVGD: Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301) (Vấn đáp)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 38

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi	Điểm HP
1	2122030183	Nguyễn Công Chương	12/05/2004	CCQ2203F			6.9	59	
2	2122170261	Lê Văn Cương	23/08/2004	CCQ2217G			0.0		
3	2121110024	Võ Văn Cường	30/08/2001	CCQ2111A			0.0		
4	2122170110	Nguyễn Võ Quang Đăng	10/03/2003	CCQ2217C			0.0		
5	2122040023	Nguyễn Khánh Đạt	22/05/2004	CCQ2204A			5.4	60	
6	2122140033	Trần Đức Đạt	14/06/2004	CCQ2214A			6.8	43	
7	2121200055	Nguyễn Chí Điền	18/05/2003	CCQ2120B			4.4	69	
8	2121230015	Trần Đình Diệu	05/07/2003	CCQ2123A			7.9	82	
9	2121030168	Nguyễn Hoàng Hải	12/12/2001	CCQ2103B			8.8	55	
10	2122170260	Ngô Thanh Hậu	16/07/2004	CCQ2217G			0.0		
11	2121030039	Nguyễn Văn Hiếu	20/10/2003	CCQ2103B			7.7	50	
12	2122070018	Trần Thị Ngọc Hiếu	14/06/2004	CCQ2207A			0.0		
13	2121130024	Não Nữ Thuỳ Hoà	16/04/2002	CCQ2113A			5.9	33	
14	2122170353	Nguyễn Quốc Học	13/03/2004	CCQ2217I			7.4	80	
15	2121170250	Đặng Quốc Huy	10/07/2003	CCQ2117H			4.9	41	
16	2122050054	Vũ Gia Huy	06/04/2004	CCQ2205B			0.0		
17	2121120375	Nguyễn Thị Ngân Huyền	16/06/1992	CCQ2113B			9.8	72	
18	2121110231	Trịnh Vỹ Kha	25/07/2003	CCQ2111G			0.0		
19	2122110293	Nguyễn Phạm Gia Khang	04/11/2004	CCQ2211H			0.0		
20	2122050029	Lương Duy Khoa	06/11/2003	CCQ2205A			9.4	70	
21	2121100148	Hồ Thị Ngọc Kiểm	04/05/2003	CCQ2110E			7.4	60	
22	2121030034	Võ Văn Mãi	02/08/2003	CCQ2103A			6.1	0.0	
23	2122050094	Nguyễn Văn Minh	10/02/2004	CCQ2205C			7.7	69	
24	2122170025	Lê Văn Nam	20/10/2004	CCQ2217A			7.9	76	
25	2120270179	Trương Nhật Nam	28/05/2002	CCQ2003F			0.0		
26	2121130023	Kiều Thị Hồng Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A			6.4	32	
27	2122060003	Phạm Mẫn Phát	19/02/2002	CCQ2220F			6.6	70	
28	2122200174	Phùng Trọng Phú	01/05/2004	CCQ2220E			5.6	72	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 1 (22400301) (Vấn đáp)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-36

Số SV có mặt: 38

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi	Điểm HP
29	2121170362	Phan Minh Quân	06/02/2003	CCQ2117K			7.0	41	
30	2121170431	Phạm Văn Sáng	14/11/2002	CCQ2117M			9.0	69	
31	2121030048	Nguyễn Văn Sĩ	01/10/2003	CCQ2103B			7.8	50	
32	2121030091	Từ Ngọc Sơn	24/03/2003	CCQ2103C			7.3	21	
33	2121110267	Huỳnh Phúc Tân	23/10/2003	CCQ2111H			6.4	71	
34	2122170238	Nguyễn Trung Tây	02/12/2004	CCQ2217F			8.4	58	
35	2121170474	Trần Hữu Thắng	11/11/2003	CCQ2117N			6.0	73	
36	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D			0.0		
37	2121170010	Lê Anh Thọ	30/09/2003	CCQ2117A			8.0	83	
38	2121170557	Nguyễn Văn Thông	14/05/2003	CCQ2117P			5.9	51	
39	2122100221	Phạm Thị Hoài Thương	14/10/2004	CCQ2210G			6.9	65	
40	2120110163	Nguyễn Đình Thy	03/12/2002	CCQ2011E			6.2	77	
41	2122170537	Phan Trần Phước Tiến	29/08/2004	CCQ2205D			5.8	73	
42	2120170309	Lê Thanh Trà	08/09/2002	CCQ2017I			6.1	43	
43	2121200056	Đào Thị Thùy Trang	29/11/2003	CCQ2120B			6.4	33	
44	2120170169	Phan Hồng Trung	25/09/2002	CCQ2017E			7.7	84	
45	2122170285	Nguyễn Tấn Tường	25/02/2004	CCQ2217H			9.0	54	
46	2122040006	Huỳnh Anh Vĩ	03/08/2004	CCQ2204A			9.2	58	
47	2122050123	Nguyễn Văn Vin	04/01/2003	CCQ2205D			9.3	83	
48	2121120627	Nguyễn Thị Yến Vy	04/02/2003	CCQ2112R			5.2	50	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: Trần Thị Thảo
Môn học: Anh văn 1 (22400301) (Viết)

Ngày thi: 21/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt:.....16

Số bài thi:16

Số tờ giấy thi:.....16

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Chương	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi Viết	Điểm HP
1	2122030183	Nguyễn Công	Chương	12/05/2004	CCQ2203F	134		6.9	50	
2	2122170261	Lê Văn	Cương	23/08/2004	CCQ2217G			0.0		
3	2121110024	Vô Văn	Cường	30/08/2001	CCQ2111A			0.0		
4	2122170110	Nguyễn Võ Quang	Đăng	10/03/2003	CCQ2217C			0.0		
5	2122040023	Nguyễn Khánh	Đạt	22/05/2004	CCQ2204A	134		5.4	41	
6	2122140033	Trần Đức	Đạt	14/06/2004	CCQ2214A	483		6.8	45	
7	2121200055	Nguyễn Chí	Diễn	18/05/2003	CCQ2120B	210		4.4	45	
8	2121230015	Trần Đình	Diệu	05/07/2003	CCQ2123A	134		7.9	69	
9	2121030168	Nguyễn Hoàng	Hải	12/12/2001	CCQ2103B	483		8.8	73	
10	2122170260	Ngô Thanh	Hậu	16/07/2004	CCQ2217G			0.0		
11	2121030039	Nguyễn Văn	Hiếu	20/10/2003	CCQ2103B	210		7.7	37	
12	2122070018	Trần Thị Ngọc	Hiếu	14/06/2004	CCQ2207A			0.0		
13	2121130024	Não Nữ Thuyền	Hoà	16/04/2002	CCQ2113A	356		5.9	51	
14	2122170353	Nguyễn Quốc	Học	13/03/2004	CCQ2217I	210		7.4	58	
15	2121170250	Đặng Quốc	Huy	10/07/2003	CCQ2117H	134		4.9	58	
16	2122050054	Vũ Gia	Huy	06/04/2004	CCQ2205B			0.0		
17	2121120375	Nguyễn Thị Ngân	Huyền	16/06/1992	CCQ2113B	356		9.8	91	
18	2121110231	Trịnh Vỹ	Kha	25/07/2003	CCQ2111G			0.0		
19	2122110293	Nguyễn Phạm Gia	Khang	04/11/2004	CCQ2211H			0.0		
20	2122050029	Lương Duy	Khoa	06/11/2003	CCQ2205A	483		9.4	75	
21	2121100148	Hồ Thị Ngọc	Kiểm	04/05/2003	CCQ2110E	356		7.4	73	
22	2121030034	Vô Văn	Mãi	02/08/2003	CCQ2103A			6.1	85	
23	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	10/02/2004	CCQ2205C	134		7.7	67	
24	2122170025	Lê Văn	Nam	20/10/2004	CCQ2217A	483		7.9	55	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

GVGD: Trần Thị Thảo
Môn học: Anh văn 1 (22400301) (Viết)

Ngày thi: 21/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi Viết	Điểm HP
1	2120270179	Trương Nhật	Nam	28/05/2002	CCQ2003F		0.0		
2	2121130023	Kiều Thị Hồng	Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A	356 Nguyệt	6.4	56	
3	2122060003	Phạm Mẫn	Phát	19/02/2002	CCQ2220F	210 Mẫn	6.6	88	
4	2122200174	Phùng Trọng	Phú	01/05/2004	CCQ2220E	134 Trọng	5.6	31	
5	2121170362	Phan Minh	Quân	06/02/2003	CCQ2117K	134 Minh	7.0	49	
6	2121170431	Phạm Văn	Sáng	14/11/2002	CCQ2117M	483 Văn	9.0	55	
7	2121030048	Nguyễn Văn	Sĩ	01/10/2003	CCQ2103B	356 Sĩ	7.8	54	
8	2121030091	Từ Ngọc	Sơn	24/03/2003	CCQ2103C	210 Sơn	7.3	35	
9	2121110267	Huỳnh Phúc	Tân	23/10/2003	CCQ2111H	134 Phúc	6.4	73	
10	2122170238	Nguyễn Trung	Tây	02/12/2004	CCQ2217F	483 Trung	8.4	58	
11	2121170474	Trần Hữu	Thắng	11/11/2003	CCQ2117N	483 Hữu	6.0	54	
12	2122170536	Đào Huỳnh Xuân	Thiện	21/08/2004	CCQ2205D		0.0		
13	2121170010	Lê Anh	Thọ	30/09/2003	CCQ2117A	210 Anh	8.0	63	
14	2121170557	Nguyễn Văn	Thông	14/05/2003	CCQ2117P	134 Văn	5.9	40	
15	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	14/10/2004	CCQ2210G	483 Hoài	6.9	67	
16	2120110163	Nguyễn Đình	Thy	03/12/2002	CCQ2011E	356 Đình	6.2	56	
17	2122170537	Phan Trần Phước	Tiến	29/08/2004	CCQ2205D	356 Phước	5.8	48	
18	2120170309	Lê Thanh	Trà	08/09/2002	CCQ2017I	210 Thanh	6.1	88	
19	2121200056	Đào Thị Thùy	Trang	29/11/2003	CCQ2120B	210 Thùy	6.4	48	
20	2120170169	Phan Hồng	Trung	25/09/2002	CCQ2017E	134 Hồng	7.7	66	
21	2122170285	Nguyễn Tấn	Tường	25/02/2004	CCQ2217H	483 Tấn	9.0	49	
22	2122040006	Huỳnh Anh	VI	03/08/2004	CCQ2204A	356 Anh	9.2	44	
23	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	04/01/2003	CCQ2205D	210 Văn	9.3	82	
24	2121120627	Nguyễn Thị Yến	Vy	04/02/2003	CCQ2112R	134 Yến	5.2	41	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

10

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

GVGD: Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400301) Tổng hợp (Viết + Vấn đáp)

Ngày thi: Số SV có mặt: 38

Giờ thi: Số bài thi: 38

Phòng thi: Số tờ giấy thi:

1/2
Lê Thị Tâm Tự Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122030183	Nguyễn Công Chương	12/05/2004	CCQ2203F			6.9	55	61
2	2122170261	Lê Văn Cường	23/08/2004	CCQ2217G			0.0		
3	2121110024	Võ Văn Cường	30/08/2001	CCQ2111A			0.0		
4	2122170110	Nguyễn Võ Quang Đăng	10/03/2003	CCQ2217C			0.0		
5	2122040023	Nguyễn Khánh Đạt	22/05/2004	CCQ2204A			5.4	5.1	52
6	2122140033	Trần Đức Đạt	14/06/2004	CCQ2214A			6.8	4.4	54
7	2121200055	Nguyễn Chí Điền	18/05/2003	CCQ2120B			4.4	5.7	52
8	2121230015	Trần Đình Diệu	05/07/2003	CCQ2123A			7.9	7.6	77
9	2121030168	Nguyễn Hoàng Hải	12/12/2001	CCQ2103B			8.8	6.4	74
10	2122170260	Ngô Thanh Hậu	16/07/2004	CCQ2217G			0.0		
11	2121030039	Nguyễn Văn Hiếu	20/10/2003	CCQ2103B			7.7	4.4	57
12	2122070018	Trần Thị Ngọc Hiếu	14/06/2004	CCQ2207A			0.0		
13	2121130024	Não Nữ Thuỳ Hoà	16/04/2002	CCQ2113A			5.9	4.2	49
14	2122170353	Nguyễn Quốc Học	13/03/2004	CCQ2217I			7.4	6.9	7.1
15	2121170250	Đặng Quốc Huy	10/07/2003	CCQ2117H			4.9	5.0	5.0
16	2122050054	Vũ Gia Huy	06/04/2004	CCQ2205B			0.0		
17	2121120375	Nguyễn Thị Ngân Huyền	16/06/1992	CCQ2113B			9.8	82	88
18	2121110231	Trịnh Võ Kha	25/07/2003	CCQ2111G			0.0		
19	2122110293	Nguyễn Phạm Gia Khang	04/11/2004	CCQ2211H			0.0		
20	2122050029	Lương Duy Khoa	06/11/2003	CCQ2205A			9.4	7.3	8.1
21	2121100148	Hồ Thị Ngọc Kiểm	04/05/2003	CCQ2110E			7.4	6.7	7.0
22	2121030034	Võ Văn Mai	02/08/2003	CCQ2103A			6.1	4.3	5.0
23	2122050094	Nguyễn Văn Minh	10/02/2004	CCQ2205C			7.7	6.8	7.2
24	2122170025	Lê Văn Nam	20/10/2004	CCQ2217A			7.9	6.6	7.1
25	2120270179	Trương Nhật Nam	28/05/2002	CCQ2003F			0.0		
26	2121130023	Kiều Thị Hồng Nguyệt	30/10/2003	CCQ2113A			6.4	4.4	5.2
27	2122060003	Phạm Mẫn Phát	19/02/2002	CCQ2220F			6.6	7.9	7.4
28	2122200174	Phùng Trọng Phú	01/05/2004	CCQ2220E			5.6	5.2	5.4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 1 (22400301) *Tổng hợp (Viết + Vấn đáp)*

Ngày thi: Số SV có mặt:.....

Giờ thi: Số bài thi:

Phòng thi: Số tờ giấy thi:.....

Let's start
Minh Thuy Thao

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121170362	Phan Minh Quân	06/02/2003	CCQ2117K		<i>[Signature]</i>	7.0	4.5	55
30	2121170431	Phạm Văn Sáng	14/11/2002	CCQ2117M		<i>[Signature]</i>	9.0	6.2	73
31	2121030048	Nguyễn Văn Sĩ	01/10/2003	CCQ2103B		<i>[Signature]</i>	7.8	5.2	62
32	2121030091	Từ Ngọc Sơn	24/03/2003	CCQ2103C		<i>[Signature]</i>	7.3	2.8	46
33	2121110267	Huỳnh Phúc Tân	23/10/2003	CCQ2111H		<i>[Signature]</i>	6.4	7.2	69
34	2122170238	Nguyễn Trung Tây	02/12/2004	CCQ2217F		<i>[Signature]</i>	8.4	5.8	68
35	2121170474	Trần Hữu Thắng	11/11/2003	CCQ2117N		<i>[Signature]</i>	6.0	6.4	62
36	2122170536	Đào Huỳnh Xuân Thiện	21/08/2004	CCQ2205D			0.0		
37	2121170010	Lê Anh Thọ	30/09/2003	CCQ2117A		<i>[Signature]</i>	8.0	7.3	76
38	2121170557	Nguyễn Văn Thông	14/05/2003	CCQ2117P		<i>[Signature]</i>	5.9	4.6	5.1
39	2122100221	Phạm Thị Hoài Thương	14/10/2004	CCQ2210G		<i>[Signature]</i>	6.9	6.6	67
40	2120110163	Nguyễn Đình Thy	03/12/2002	CCQ2011E		<i>[Signature]</i>	6.2	6.7	65
41	2122170537	Phan Trần Phước Tiến	29/08/2004	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	5.8	6.1	6.0
42	2120170309	Lê Thanh Trà	08/09/2002	CCQ2017I		<i>[Signature]</i>	6.1	6.6	6.4
43	2121200056	Đào Thị Thùy Trang	29/11/2003	CCQ2120B		<i>[Signature]</i>	6.4	4.1	5.0
44	2120170169	Phan Hồng Trung	25/09/2002	CCQ2017E		<i>[Signature]</i>	7.7	7.5	7.6
45	2122170285	Nguyễn Tấn Tường	25/02/2004	CCQ2217H		<i>[Signature]</i>	9.0	5.2	6.7
46	2122040006	Huỳnh Anh Vĩ	03/08/2004	CCQ2204A		<i>[Signature]</i>	9.2	5.1	6.7
47	2122050123	Nguyễn Văn Vin	04/01/2003	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	9.3	8.3	8.7
48	2121120627	Nguyễn Thị Yến Vy	04/02/2003	CCQ2112R		<i>[Signature]</i>	5.2	4.6	4.8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: Lê Thị Thanh Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400302) (Vấn đáp)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 18

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi	Điểm HP
1	2120120003	Cao Thế Anh	22/02/2002	CCQ2012A			0.0		
2	2122120461	Trần Mai Hải	15/07/2004	CCQ2212N			6.8		
3	2122030226	Dương Tấn	10/05/2004	CCQ2203A			0.0		
4	2122030191	Mai Tiến	23/03/2004	CCQ2203F			8.6	5.2	
5	2122120264	Võ Thị Thu	19/07/2004	CCQ2212H			8.5	7.0	
6	2121170048	Nguyễn Văn	07/03/2003	CCQ2117B			0.0		
7	2122140064	Nguyễn Huy	23/02/2001	CCQ2205D			8.6	5.4	
8	2122030170	Nguyễn Trương	17/11/2004	CCQ2203E			7.9	5.0	
9	2121170011	Phạm Văn	04/08/2002	CCQ2117A			7.0	6.3	
10	2122030159	Phạm Mạnh	14/11/2002	CCQ2203E			8.1	6.4	
11	2122030213	Nguyễn Văn	20/03/2004	CCQ2203E			7.9	6.4	
12	2122030223	Phạm Lê	30/05/2003	CCQ2203A			5.0	6.8	
13	2122200244	Nguyễn Hữu	14/10/2002	CCQ2220G			9.7	8.0	
14	2121170022	Lưu Ngọc	26/12/2003	CCQ2117A			8.3	7.4	
15	2120030015	Lê Hoài	30/06/2002	CCQ2003A			0.0		
16	2121120223	Nguyễn Tiến	10/07/2002	CCQ2112G			4.3	3.5	
17	2121270064	Phạm Thị Kim	20/03/2003	CCQ2127B			8.5	7.4	
18	2121170028	Trần Văn	20/04/2003	CCQ2117A			8.9	3.4	
19	2122120419	Nguyễn Trung	04/07/2004	CCQ2212M			0.0		
20	2122120455	Nguyễn Đỗ Hữu	08/10/2004	CCQ2212M			7.3	6.0	
21	2122170695	Trương Mai Minh	01/12/2004	CCQ2217R			0.0		
22	2121110171	Trần Thanh	05/11/2003	CCQ2111E			7.7	8.8	
23	2122170301	Trần Công	25/02/2004	CCQ2217H			0.0		
24	2122270019	Trần Minh	19/02/2004	CCQ2227A			8.3	6.0	
25	2122100266	Nguyễn Lê Anh	28/10/2004	CCQ2210H			4.5	5.0	
26	2122180101	Lê Hoàng	20/09/2004	CCQ2218D			0.0		
27	2122110410	Trương Đức	15/06/2004	CCQ2211K			7.3	6.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

GVGD: Lê Thị Thanh Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400302) (Viết)

Ngày thi: 21/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: 18.

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi	Điểm HP
1	2120120003	Cao Thế Anh	22/02/2002	CCQ2012A			0.0	Viết	
2	2122120461	Trần Mai Hải	Đặng	15/07/2004	CCQ2212N	210	6.8	35	
3	2122030226	Dương Tấn Đạt	10/05/2004	CCQ2203A			0.0		
4	2122030191	Mai Tiến Đạt	23/03/2004	CCQ2203F	483		8.6	83	
5	2122120264	Vô Thị Thu	Giang	19/07/2004	CCQ2212H	134	Giang	8.5	62
6	2121170048	Nguyễn Văn Hạ	07/03/2003	CCQ2117B			0.0		
7	2122140064	Nguyễn Huy Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	210	Hoang	8.6	71	
8	2122030170	Nguyễn Trương Hoàng	17/11/2004	CCQ2203E	483		7.9	49	
9	2121170011	Phạm Văn Hoàng	04/08/2002	CCQ2117A	134	Hoang	7.0	44	
10	2122030159	Phạm Mạnh Hùng	14/11/2002	CCQ2203E	210		8.1	63	
11	2122030213	Nguyễn Văn Huy	20/03/2004	CCQ2203E	356	Huy	7.9	61	
12	2122030223	Phạm Lê Khương	30/05/2003	CCQ2203A	483	Khương	5.0	35	
13	2122200244	Nguyễn Hữu Lễ	14/10/2002	CCQ2220G	134	Lễ	9.7	90	
14	2121170022	Lưu Ngọc Minh	26/12/2003	CCQ2117A	210	minh	8.3	60	
15	2120030015	Lê Hoài Nam	30/06/2002	CCQ2003A			0.0		
16	2121120223	Nguyễn Tiến Nam	10/07/2002	CCQ2112G	483	Nam	4.3	48	
17	2121270064	Phạm Thị Kim Ngân	20/03/2003	CCQ2127B	134	Ngan	8.5	52	
18	2121170028	Trần Văn Nhã	20/04/2003	CCQ2117A			8.9		
19	2122120419	Nguyễn Trung Nhân	04/07/2004	CCQ2212M			0.0		
20	2122120455	Nguyễn Đỗ Hữu Phú	08/10/2004	CCQ2212M	483		7.3	64	
21	2122170695	Trương Mai Minh Phước	01/12/2004	CCQ2217R			0.0		
22	2121110171	Trần Thanh Thương	05/11/2003	CCQ2111E	210	Thương	7.7	65	
23	2122170301	Trần Công Tín	25/02/2004	CCQ2217H			0.0		
24	2122270019	Trần Minh Trí	19/02/2004	CCQ2227A	483	Trí	8.3	66	
25	2122100266	Nguyễn Lê Anh Tú	28/10/2004	CCQ2210H	210	Tú	4.5	51	
26	2122180101	Lê Hoàng Tuấn	20/09/2004	CCQ2218D			0.0		
27	2122110410	Trương Đức Vũ	15/06/2004	CCQ2211K	356		7.3	59	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

11

GVGD: Lê Thị Thanh Thảo
Môn học: Anh văn 1 (22400302) **Tổng hợp (Viết + Vấn đáp)**
Ngày thi: 24/8/2023
Giờ thi: 14h45
Phòng thi: D6-32
Đ: 15
H: 4
Số SV có mặt: 19
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

pin Thị Thu
Lê Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2120120003	Cao Thế Anh	22/02/2002	CCQ2012A			0.0		
2	2122120461	Trần Mai Hải	Đặng	15/07/2004	CCQ2212N		6.8	00	27
3	2122030226	Dương Tấn Đạt	10/05/2004	CCQ2203A			0.0		
4	2122030191	Mai Tiến	Đạt	23/03/2004	CCQ2203F	<i>tiến</i>	8.6	68	75
5	2122120264	Võ Thị Thu	Giang	19/07/2004	CCQ2212H	<i>Giang</i>	8.5	66	74
6	2121170048	Nguyễn Văn Hạ	07/03/2003	CCQ2117B			0.0		
7	2122140064	Nguyễn Huy	Hoàng	23/02/2001	CCQ2205D	<i>Hoang</i>	8.6	63	72
8	2122030170	Nguyễn Trương	Hoàng	17/11/2004	CCQ2203E	<i>huong</i>	7.9	50	62
9	2121170011	Phạm Văn	Hoàng	04/08/2002	CCQ2117A	<i>Hoang</i>	7.0	54	60
10	2122030159	Phạm Mạnh	Hùng	14/11/2002	CCQ2203E	<i>lung</i>	8.1	64	71
11	2122030213	Nguyễn Văn	Huy	20/03/2004	CCQ2203E	<i>Huy</i>	7.9	63	69
12	2122030223	Phạm Lê	Khương	30/05/2003	CCQ2203A	<i>khương</i>	5.0	52	51
13	2122200244	Nguyễn Hữu	Lễ	14/10/2002	CCQ2220G	<i>le</i>	9.7	85	90
14	2121170022	Lưu Ngọc	Minh	26/12/2003	CCQ2117A	<i>minh</i>	8.3	67	73
15	2120030015	Lê Hoài Nam	30/06/2002	CCQ2003A			0.0		
16	2121120223	Nguyễn Tiến	Nam	10/07/2002	CCQ2112G	<i>Nam</i>	4.3	42	42
17	2121270064	Phạm Thị Kim	Ngân	20/03/2003	CCQ2127B	<i>Ngan</i>	8.5	63	72
18	2121170028	Trần Văn	Nhà	20/04/2003	CCQ2117A	<i>nhà</i>	8.9	00	36
19	2122120419	Nguyễn Trung Nhân	04/07/2004	CCQ2212M			0.0		
20	2122120455	Nguyễn Đỗ Hữu	Phú	08/10/2004	CCQ2212M	<i>phuy</i>	7.3	62	66
21	2122170695	Trương Mai Minh Phước	01/12/2004	CCQ2217R			0.0		
22	2121110171	Trần Thanh	Thương	05/11/2003	CCQ2111E	<i>thuong</i>	7.7	77	77
23	2122170301	Trần Công Tín	25/02/2004	CCQ2217H			0.0		
24	2122270019	Trần Minh	Trí	19/02/2004	CCQ2227A	<i>tri</i>	8.3	63	71
25	2122100266	Nguyễn Lê Anh	Tú	28/10/2004	CCQ2210H	<i>anh</i>	4.5	51	49
26	2122180101	Lê Hoàng	Tuấn	20/09/2004	CCQ2218D		0.0		
27	2122110410	Trương Đức	Vũ	15/06/2004	CCQ2211K	<i>vu</i>	7.3	60	65

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

①

G/HD: Ms. Axianne

Đ: 40
H: 2

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nói thương mại (22435501)

Ngày thi: 21/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	11/07/2003	CCQ2224F			9.3	812	86
2	2121110334	Trần Thanh Bình	08/05/2003	CCQ2124F			0.0		
3	2122240098	Đặng Thị Cẩm Đào	12/02/2004	CCQ2224D			8.9	777	82
4	2121200094	Lê Nguyễn Anh Đào	23/11/2002	CCQ2124F			0.0		
5	2121200093	Lê Nguyễn Hồng Đào	16/06/2001	CCQ2124F			0.0		
6	2122240184	Lê Thị Mỹ Đào	18/10/2004	CCQ2224F			0.0		
7	2122240181	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	01/05/2004	CCQ2224F			9.5	811	87
8	2122240108	Nguyễn Thế Dũng	16/11/2001	CCQ2224D			9.0	518	71
9	2121240132	Đặng Thị Ngọc Hân	14/03/2003	CCQ2124E			8.3	811	82
10	2122240182	Thân Ngọc Hân	01/08/2004	CCQ2224F			8.1	614	71
11	2122240157	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30/03/1999	CCQ2224B			0.0		
12	2122240109	Lê Thùy Mỹ Hậu	15/09/2004	CCQ2224D			7.0	415	55
13	2122240186	Lê Đỗ Quốc Hùng	04/04/2004	CCQ2224F			9.5	716	84
14	2122240202	Trần Thị Hường	03/08/2002	CCQ2224D			9.5	710	80
15	2122240176	Huỳnh Quốc Khải	08/02/2004	CCQ2224F			9.3	513	69
16	2122240165	Lê Diễm Kiều	10/04/2004	CCQ2224E			8.0	312	51
17	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	09/11/2004	CCQ2224D			8.8	711	78
18	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc Loan	29/05/2004	CCQ2224E			9.5	815	89
19	2122240067	Võ Thị Ánh Nga	25/01/2004	CCQ2224C			9.2	615	76
20	2121240127	Huỳnh Kim Ngân	09/01/2003	CCQ2124E			9.4	716	83
21	2122240104	Trần Kim Ngân	12/08/2003	CCQ2224D			5.6		
22	2122240089	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	02/10/2004	CCQ2224C			8.8	616	75
23	2122240079	Hồ Thị Mỹ Nhân	09/09/2004	CCQ2224C			8.9	416	45
24	2122240101	Phạm Thị Hằng Ni	11/12/2004	CCQ2224D			9.0	911	91
25	2122240192	Nguyễn Thị Mỹ Nương	03/11/2004	CCQ2224F			9.0	615	75
26	2122240121	Trần Đặng Mai Phương	10/11/2002	CCQ2224E			7.9	814	82
27	2122240162	Lưu Trúc Quỳnh	01/10/2004	CCQ2224C			8.9	415	63
28	2122240167	Nguyễn Lâm Như Quỳnh	26/09/2004	CCQ2224E			6.9	418	56

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Nối thương mại (22435501)

Ngày thi: 21/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 42

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc Quỳnh	27/06/2004	CCQ2224F			8.3	7.8	80
30	2122240177	Nguyễn Thị Lệ Sương	26/01/2004	CCQ2224F			7.4	6.2	67
31	2122240169	Tổng Minh Tân	28/04/2004	CCQ2224F			0.0		
32	2122240185	Cao Thị Thanh Thảo	16/07/2004	CCQ2224F			8.9	7.4	78
33	2122240138	Hồ Phương Thảo	11/01/2002	CCQ2224E			7.1	7.3	72
34	2122240178	Phạm Lê Phương Thảo	13/08/2004	CCQ2224F			8.9	8.1	84
35	2122240090	Đặng Trần Anh Thư	24/11/2004	CCQ2224C			8.2	7.6	78
36	2121240121	Dương Ngọc Anh Thư	01/01/2003	CCQ2124E			8.9	8.2	85
37	2122240173	Hồ Thị Xuân Thùy	10/02/2004	CCQ2224F			9.1	7.7	83
38	2122240084	Lê Nguyễn Thùy Trâm	20/01/2004	CCQ2224C			8.7	7.0	77
39	2122240082	Phạm Thị Huyền Trâm	16/09/2004	CCQ2224C			7.4	4.3	37
40	2122240211	Thân Nguyễn Huyền Trang	15/04/2004	CCQ2224C			8.5	6.0	70
41	2122240132	Trần Thị Huyền Trang	15/04/2004	CCQ2224E			7.3	7.3	73
42	2121240089	Mai Minh Trí	05/01/2003	CCQ2124C			7.9	4.9	61
43	2122240088	Nguyễn Cẩm Tú	06/01/2004	CCQ2224C			7.9	8.0	80
44	2122240161	Nguyễn Ngọc Tuyền	17/11/2004	CCQ2224C			8.2	7.5	78
45	2121240136	Huỳnh Yến Tuyết	07/03/2003	CCQ2124E			8.8	8.2	84
46	2122240195	Thái Kim Phương Uyên	27/10/2004	CCQ2224F			8.7	7.4	79
47	2122240145	Phạm Yến Vy	10/05/2003	CCQ2224E			9.5	8.1	87
48	2122240064	Trương Thị Ngân Vy	02/01/2003	CCQ2224C			7.6	6.5	69
49	2121240142	Trần Ngọc Như Ý	30/10/2003	CCQ2124E			8.8	7.6	81

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: *Cái Minh Thuận*

Cán bộ coi thi 1 *P. U. M* Cán bộ coi thi 2 *P. U. M* G.Viên chấm thi 1 *P. U. M* G.Viên chấm thi 2 *P. U. M*

Môn học: Anh văn 2 (22400401) (Vấn đáp)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: *40*

Số bài thi: *.....*

Số tờ giấy thi: *.....*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi <i>Vấn đáp</i>	Điểm HP
1	2122110137	Lê Hoàng Ân	23/10/2004	CCQ2211D		<i>[Signature]</i>		<i>86</i>	
2	2121170267	Đỗ Ngọc Tuấn	10/04/2003	CCQ2117H					
3	2121030022	Đỗ Chí Bảo	21/05/2003	CCQ2103A		<i>Co' thi</i>		<i>65</i>	
4	2121170164	Hà Sơn Bình	09/07/2003	CCQ2117E		<i>Co' thi</i>		<i>48</i>	
5	2122120196	Nguyễn Thị Kim Chi	15/09/2003	CCQ2212F		<i>Kieu</i>		<i>87</i>	
6	2122200222	Trần Hà Khánh Chi	17/02/2004	CCQ2220G		<i>Co' thi</i>		<i>90</i>	
7	2121110178	Võ Ngọc Chí	12/04/2003	CCQ2111F					
8	2120120494	Lê Đình Đạt	07/11/2002	CCQ2012O		<i>Co' thi</i>		<i>73</i>	
9	2122050142	Đương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C					
10	2122170237	Võ Quang Hải	13/03/2000	CCQ2217F		<i>Co' thi</i>		<i>76</i>	
11	2122070043	Lý Nhật Hân	08/01/2004	CCQ2207B		<i>Co' thi</i>		<i>71</i>	
12	2121130026	Trần Thị Hào	09/03/2003	CCQ2113A		<i>Hao</i>		<i>82</i>	
13	2121170235	Trần Lê Khánh Hiệp	21/07/2003	CCQ2117G		<i>Hiep</i>		<i>46</i>	
14	2122120310	Đào Thị Minh Hiếu	23/11/2004	CCQ2212J		<i>Co' thi</i>		<i>81</i>	
15	2121030140	Trần Trung Hiếu	22/09/2003	CCQ2103D		<i>Hieu</i>		<i>84</i>	
16	2121170502	Võ Lê Hoàng	13/05/2003	CCQ2117O		<i>[Signature]</i>		<i>62</i>	
17	2122120237	Nguyễn Thị Thanh Hồng	16/07/2004	CCQ2212G		<i>Co' thi</i>		<i>72</i>	
18	2121170226	Trần Văn Hợp	16/07/2003	CCQ2117G		<i>Hop</i>		<i>69</i>	
19	2122120534	Huỳnh Thị Hương	08/01/2004	CCQ2212O		<i>Huong</i>		<i>80</i>	
20	2121120375	Nguyễn Thị Ngân Huyền	16/06/1992	CCQ2113B		<i>Huyen</i>		<i>90</i>	
21	2121130033	Đạo Thị Kim Hy	24/11/2003	CCQ2113B		<i>Hy</i>		<i>62</i>	
22	2122060080	Nguyễn Đăng Khoa	19/08/2004	CCQ2206B		<i>[Signature]</i>		<i>83</i>	
23	2121100187	Đặng Thị Vi Linh	11/10/2003	CCQ2110F		<i>Lin</i>		<i>79</i>	
24	2121170124	Nguyễn Hoài Linh	26/03/2002	CCQ2117D		<i>Wel</i>		<i>82</i>	
25	2121260125	Nguyễn Khánh Linh	24/08/2003	CCQ2126D		<i>Co' thi</i>		<i>84</i>	
26	2122200239	Nguyễn Thị Yến Ly	22/04/1997	CCQ2220G		<i>Co' thi</i>		<i>84</i>	
27	2122110339	Phạm Quang Minh	20/08/2004	CCQ2211I		<i>Minh</i>		<i>84</i>	
28	2121110322	Nguyễn Thành Nam	27/12/2003	CCQ2111J		<i>Nam</i>		<i>80</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400401) (Vấn đáp)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 40.

Số bài thi:/.....

Số tờ giấy thi:/.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	D.Thi (Vấn đáp)	Điểm HP
29	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H	nguyen		86	
30	2122170368	Trương Nam	Phi	20/01/2004	CCQ2217J	thi		65	
31	2121170341	Trần Văn	Phuong	15/08/2002	CCQ2117J	Co' thi'		60	
32	2121120646	Hoàng Anh	Tân	30/06/2003	CCQ2112K	Co' thi'		78	
33	2121170500	Trần Ngọc Duy	Tân	19/01/2003	CCQ2117O	Lon		73	
34	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	14/10/2004	CCQ2210G	Co' thi'		69	
35	2122100219	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/01/2004	CCQ2210G	thi		86	
36	2122100235	Phạm Thị Bích	Tiên	07/08/2003	CCQ2210G	Thi		87	
37	2122100237	Lê Thị Công	Tính	24/07/2004	CCQ2210G	thi		63	
38	2122120587	Bùi Trần Huyền	Trang	15/04/2003	CCQ2212P	Trang		90	
39	2121030008	Nguyễn Văn	Trung	06/05/2003	CCQ2103A	Co' thi'		25	
40	2122040018	Nguyễn Xuân	Tư	16/08/2004	CCQ2204A	thi		84	
41	2121170507	Nguyễn Thanh	Tuấn	09/12/2003	CCQ2117O	Tuan		89	
42	2121170486	Nguyễn Văn	Tức	24/11/2003	CCQ2117N				
43	2122110348	Mai Nhật	Vạn	18/07/2003	CCQ2211I	thi		45	
44	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A	thi		86	
45	2121170368	Võ Quốc	Vương	11/06/2003	CCQ2117K				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: *Cái Minh Thuận*

Môn học: Anh văn 2 (22400401) (Viết)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: *40*

Số bài thi: *40*

Số tờ giấy thi: *40*

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

L.M. Mian *DM*
AN Mỹ Dung *Trần Thị Thảo* *Trần*

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi Viết	Điểm HP
1	2122110137	Lê Hoàng Ân	23/10/2004	CCQ2211D	208	<i>[Signature]</i>		72	
2	2121170267	Đỗ Ngọc Tuấn	10/04/2003	CCQ2117H					
3	2121030022	Đỗ Chí Bảo	21/05/2003	CCQ2103A	475	<i>[Signature]</i>		56	
4	2121170164	Hà Sơn Bình	09/07/2003	CCQ2117E	361	<i>[Signature]</i>		80	
5	2122120196	Nguyễn Thị Kim Chi	15/09/2003	CCQ2212F	208	<i>[Signature]</i>		45	
6	2122200222	Trần Hà Khánh Chi	17/02/2004	CCQ2220G	137	<i>[Signature]</i>		68	
7	2121110178	Võ Ngọc Chí	12/04/2003	CCQ2111F					
8	2120120494	Lê Đình Đạt	07/11/2002	CCQ2012O	137	<i>[Signature]</i>		42	
9	2122050142	Dương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C					
10	2122170237	Võ Quang Hải	13/03/2000	CCQ2217F	361	<i>[Signature]</i>		61	
11	2122070043	Lý Nhật Hân	08/01/2004	CCQ2207B	475	<i>[Signature]</i>		48	
12	2121130026	Trần Thị Hào	09/03/2003	CCQ2113A	137	<i>[Signature]</i>		71	
13	2121170235	Trần Lê Khánh Hiệp	21/07/2003	CCQ2117G	208	<i>[Signature]</i>		60	
14	2122120310	Đào Thị Minh Hiếu	23/11/2004	CCQ2212J	361	<i>[Signature]</i>		60	
15	2121030140	Trần Trung Hiếu	22/09/2003	CCQ2103D	475	<i>[Signature]</i>		75	
16	2121170502	Võ Lê Hoàng	13/05/2003	CCQ2117O	361	<i>[Signature]</i>		72	
17	2122120237	Nguyễn Thị Thanh Hồng	16/07/2004	CCQ2212G	208	<i>[Signature]</i>		63	
18	2121170226	Trần Văn Hợp	16/07/2003	CCQ2117G	137	<i>[Signature]</i>		63	
19	2122120534	Huỳnh Thị Hương	08/01/2004	CCQ2212O	475	<i>[Signature]</i>		61	
20	2121120375	Nguyễn Thị Ngân Huyền	16/06/1992	CCQ2113B	361	<i>[Signature]</i>		88	
21	2121130033	Đạo Thị Kim Hy	24/11/2003	CCQ2113B	208	<i>[Signature]</i>		61	
22	2122060080	Nguyễn Đăng Khoa	19/08/2004	CCQ2206B	361	<i>[Signature]</i>		68	
23	2121100187	Đặng Thị Vi Linh	11/10/2003	CCQ2110F	475	<i>[Signature]</i>		56	
24	2121170124	Nguyễn Hoài Linh	26/03/2002	CCQ2117D	137	<i>[Signature]</i>		53	
25	2121260125	Nguyễn Khánh Linh	24/08/2003	CCQ2126D	208	<i>[Signature]</i>		63	
26	2122200239	Nguyễn Thị Yến Ly	22/04/1997	CCQ2220G	361	<i>[Signature]</i>		62	
27	2122110339	Phạm Quang Minh	20/08/2004	CCQ2211I	475	<i>[Signature]</i>		65	
28	2121110322	Nguyễn Thành Nam	27/12/2003	CCQ2111J	137	<i>[Signature]</i>		83	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400401) (Viết)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 40

Số bài thi:40

Số tờ giấy thi:40

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi	Điểm HP
29	2122110501	Nguyễn Lạc Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H	208	Nguyễn	93	
30	2122170368	Trương Nam	Phi	20/01/2004	CCQ2217J	137	Phi	80	
31	2121170341	Trần Văn	Phương	15/08/2002	CCQ2117J	475	Phương	53	
32	2121120646	Hoàng Anh	Tân	30/06/2003	CCQ2112K	361	Tân	68	
33	2121170500	Trần Ngọc Duy	Tân	19/01/2003	CCQ2117O	208	Tân	56	
34	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	14/10/2004	CCQ2210G	137	Phạm	55	
35	2122100219	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/01/2004	CCQ2210G	475	Thu	65	
36	2122100235	Phạm Thị Bích	Tiên	07/08/2003	CCQ2210G	137	Tiên	80	
37	2122100237	Lê Thị Công	Tính	24/07/2004	CCQ2210G	208	Lê	65	
38	2122120587	Bùi Trần Huyền	Trang	15/04/2003	CCQ2212P	361	Bùi	89	
39	2121030008	Nguyễn Văn	Trung	06/05/2003	CCQ2103A	475	Nguyễn	59	
40	2122040018	Nguyễn Xuân	Tư	16/08/2004	CCQ2204A	137	Nguyễn	56	
41	2121170507	Nguyễn Thanh	Tuấn	09/12/2003	CCQ2117O	208	Tuan	33	
42	2121170486	Nguyễn Văn	Tức	24/11/2003	CCQ2117N				
43	2122110348	Mai Nhật	Vạn	18/07/2003	CCQ2211I	361	Mai	45	
44	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A	475	Lê	47	
45	2121170368	Võ Quốc	Vương	11/06/2003	CCQ2117K				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

②

GVGD: Cai Minh Thuận

A: 39

H: 1

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400401) Tổng hợp (Viết + Văn đáp)

Ngày thi: 18/08/2023

Số SV có mặt: 40

Giờ thi: 8h00

Số bài thi:

Phòng thi: 101

Số tờ giấy thi:

Phạm Thị Hoa
Cai Minh Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2122110137	Lê Hoàng Ân	23/10/2004	CCQ2211D		<i>[Signature]</i>	81	79	80
2	2121170267	Đỗ Ngọc Tuấn	10/04/2003	CCQ2117H					
3	2121030022	Đỗ Chí Bảo	21/05/2003	CCQ2103A		<i>[Signature]</i>	81	61	69
4	2121170164	Hà Sơn Bình	09/07/2003	CCQ2117E		<i>Có thi</i>	55	64	60
5	2122120196	Nguyễn Thị Kim Chi	15/09/2003	CCQ2212F		<i>[Signature]</i>	75	66	70
6	2122200222	Trần Hà Khánh Chi	17/02/2004	CCQ2220G		<i>[Signature]</i>	84	79	81
7	2121110178	Võ Ngọc Chí	12/04/2003	CCQ2111F					
8	2120120494	Lê Đình Đạt	07/11/2002	CCQ2012O		<i>[Signature]</i>	47	58	53
9	2122050142	Đương Văn Dũng	15/12/2001	CCQ2205C					
10	2122170237	Võ Quang Hải	13/03/2000	CCQ2217F		<i>[Signature]</i>	67	69	68
11	2122070043	Lý Nhật Hân	08/01/2004	CCQ2207B		<i>[Signature]</i>	80	60	68
12	2121130026	Trần Thị Hào	09/03/2003	CCQ2113A		<i>[Signature]</i>	79	77	78
13	2121170235	Trần Lê Khánh Hiệp	21/07/2003	CCQ2117G		<i>[Signature]</i>	53	53	53
14	2122120310	Đào Thị Minh Hiếu	23/11/2004	CCQ2212J		<i>[Signature]</i>	60	71	66
15	2121030140	Trần Trung Hiếu	22/09/2003	CCQ2103D		<i>Có thi</i>	65	80	74
16	2121170502	Võ Lê Hoàng	13/05/2003	CCQ2117O		<i>[Signature]</i>	51	67	61
17	2122120237	Nguyễn Thị Thanh Hồng	16/07/2004	CCQ2212G		<i>Có thi</i>	84	68	74
18	2121170226	Trần Văn Hợp	16/07/2003	CCQ2117G		<i>[Signature]</i>	60	66	64
19	2122120534	Huỳnh Thị Hương	08/01/2004	CCQ2212O		<i>[Signature]</i>	81	71	75
20	2121120375	Nguyễn Thị Ngân Huyền	16/06/1992	CCQ2113B		<i>[Signature]</i>	87	89	88
21	2121130033	Đạo Thị Kim Hy	24/11/2003	CCQ2113B		<i>[Signature]</i>	68	62	64
22	2122060080	Nguyễn Đăng Khoa	19/08/2004	CCQ2206B		<i>[Signature]</i>	85	76	79
23	2121100187	Đặng Thị Vi Linh	11/10/2003	CCQ2110F		<i>[Signature]</i>	44	68	58
24	2121170124	Nguyễn Hoài Linh	26/03/2002	CCQ2117D		<i>Có thi</i>	29	43	37
25	2121260125	Nguyễn Khánh Linh	24/08/2003	CCQ2126D		<i>[Signature]</i>	84	74	78
26	2122200239	Nguyễn Thị Yến Ly	22/04/1997	CCQ2220G		<i>[Signature]</i>	90	73	80
27	2122110339	Phạm Quang Minh	20/08/2004	CCQ2211I		<i>[Signature]</i>	80	75	77
28	2121110322	Nguyễn Thành Nam	27/12/2003	CCQ2111J		<i>[Signature]</i>	72	82	78

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400401) *Tổng hợp (Viết + Vấn đáp)*

Ngày thi: Số SV có mặt:

Giờ thi: Số bài thi:

Phòng thi: Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122110501	Nguyễn Lục Song	Nguyên	26/09/2004	CCQ2211H	<i>nguyễn</i>	74	90	83
30	2122170368	Trương Nam	Phi	20/01/2004	CCQ2217J	<i>Phi</i>	50	73	64
31	2121170341	Trần Văn	Phương	15/08/2002	CCQ2117J	<i>Phuong</i>	40	57	50
32	2121120646	Hoàng Anh	Tân	30/06/2003	CCQ2112K	<i>Tan</i>	78	73	75
33	2121170500	Trần Ngọc Duy	Tân	19/01/2003	CCQ2117O	<i>Tan</i>	49	65	58
34	2122100221	Phạm Thị Hoài	Thương	14/10/2004	CCQ2210G	<i>Thm</i>	75	62	67
35	2122100219	Nguyễn Thị Thu	Thủy	04/01/2004	CCQ2210G	<i>Th</i>	76	76	76
36	2122100235	Phạm Thị Bích	Tiên	07/08/2003	CCQ2210G	<i>Pham</i>	83	84	83
37	2122100237	Lê Thị Công	Tính	24/07/2004	CCQ2210G	<i>Le</i>	62	64	63
38	2122120587	Bùi Trần Huyền	Trang	15/04/2003	CCQ2212P	<i>Trang</i>	89	90	89
39	2121030008	Nguyễn Văn	Trung	06/05/2003	CCQ2103A	<i>Nguyen</i>	61	42	50
40	2122040018	Nguyễn Xuân	Tư	16/08/2004	CCQ2204A	<i>Nguyen</i>	87	70	77
41	2121170507	Nguyễn Thanh	Tuấn	09/12/2003	CCQ2117O	<i>Tuan</i>	64	61	62
42	2121170486	Nguyễn Văn	Túc	24/11/2003	CCQ2117N				
43	2122110348	Mai Nhất	Vạn	18/07/2003	CCQ2211I	<i>Mai</i>	58	45	50
44	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A	<i>Le</i>	80	67	72
45	2121170368	Võ Quốc	Vương	11/06/2003	CCQ2117K				

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn 2 (22400402) (Vấn đáp)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 44

Số bài thi: 1

Số tờ giấy thi: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (Vấn đáp)	Điểm HP
1	2121180046	Nguyễn Hoàn Diệu	07/10/2003	CCQ2118B			8.6	62	
2	2121110398	Nguyễn Phú Dinh	15/05/2000	CCQ2111D			9.2	76	
3	2122050008	Lưu Bá Đông	27/07/1998	CCQ2205A			7.7	70	
4	2122110289	Huỳnh Võ Thùy Dung	16/09/2004	CCQ2211H			8.6	71	
5	2121100223	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	14/04/2003	CCQ2110G			8.1	86	
6	2122030125	Phan Văn Hậu	18/03/2004	CCQ2203D			7.5	51	
7	2122110261	Mai Thị Kim Hiền	28/11/2004	CCQ2211G			9.6	92	
8	2122110305	Nguyễn Trọng Hiếu	04/07/2004	CCQ2211H			8.7	83	
9	2121210112	Lê Đức Hoài	01/05/2002	CCQ2121C			5.3	00	
10	2122110262	Trần Thị Minh Hoài	05/06/2004	CCQ2211G			9.7	90	
11	2121170546	Nguyễn Đức Hoàng	11/10/2002	CCQ2117P			7.0	00	
12	2121030037	Lê Văn Hưng	19/10/2003	CCQ2103B			3.2		
13	2122120459	Lê Thị Ngọc Hương	13/07/2004	CCQ2212N			0.0		
14	2122110460	Trương Học Hữu	17/08/2004	CCQ2211K			7.9	53	
15	2121170169	Nguyễn Quyền Huy	06/09/2003	CCQ2117E			5.1	40	
16	2121190046	Phan Thị Ngọc Huỳnh	24/02/2003	CCQ2119B			8.2	80	
17	2122110243	Võ Phan Kha Hy	11/12/2003	CCQ2211G			7.4	67	
18	2122130036	Lê Thị Mỹ Linh	19/05/2004	CCQ2211H			8.7	65	
19	2122210024	Phạm Thị Mỹ Linh	05/03/2004	CCQ2221A			7.3	40	
20	2122030126	Nguyễn Thành Lợi	26/09/2003	CCQ2203D			8.0	52	
21	2119030049	Võ Minh Luân	17/03/2001	CCQ1903B			0.0		
22	2121030059	Trần Văn Luận	01/03/2003	CCQ2103B			6.5	55	
23	2122110255	Phạm Văn Mạnh	05/10/2004	CCQ2211G			8.4	68	
24	2121120568	Triệu Tiến Mười	07/09/1999	CCQ2112Q			7.8	75	
25	2121110387	Trần Trọng Nam	15/04/2003	CCQ2111C			7.5	10.0	
26	2121110155	Lê Quốc Nghiêm	30/11/2003	CCQ2111E			5.5	66	
27	2122110299	Huỳnh Nhã Nhã	27/09/2004	CCQ2211H			7.6	30	
28	2120110156	Trương Minh Nhật	05/04/2002	CCQ2011E			3.4		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400402) (Vấn đáp)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 44

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi Vấn đáp	Điểm HP
29	2122110244	Lê Thị Hồng Nhung	04/01/2004	CCQ2211G		Nhung	8.6	57	
30	2122110302	Trần Tiến Phát	30/03/2003	CCQ2211H		Phat	7.8	85	
31	2122130063	Nguyễn Nhã Phương	27/01/2004	CCQ2213D		Phuong	8.9	88	
32	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B		Minh	0.0	50	
33	2121110380	Nguyễn Hoàng Anh Quân	21/11/2003	CCQ2111D		Anh	6.5	50	
34	2122180044	Huỳnh Nhật Quang	08/10/2004	CCQ2218B		Quang	7.2	41	
35	2121110132	Phạm Việt Quang	18/09/2003	CCQ2111D		Quang	6.7	61	
36	2122120511	Lê Thị Ái Quỳnh	19/09/2004	CCQ2212N		Ai	0.0		
37	2122120517	Nguyễn Minh Tân	09/02/2003	CCQ2212N		Minh	3.7	10.0	
38	2122110277	Nguyễn Phước Thắng	24/01/2004	CCQ2211G		Thang	7.3	55	
39	2122110245	Phan Thị Thanh Thảo	07/01/2004	CCQ2211G		Thao	7.6	57	
40	2122170044	Ngô Trọng Thoại	07/11/2004	CCQ2217B		Thoai	9.2	87	
41	2122110301	Tiêu Thị Minh Thương	15/04/2004	CCQ2211H		Minh	8.8	54	
42	2122100236	Nguyễn Thị Cẩm Thy	12/08/2004	CCQ2210G		Thy	6.2	51	
43	2122210193	Trương Xuân Tiến	18/03/1999	CCQ2221E		Thuan	0.0		
44	2121180013	Nguyễn Thành Tín	12/12/2003	CCQ2118A		Tin	8.5	70	
45	2121120144	Trần Đức Tín	13/02/2001	CCQ2112E		Tin	6.3	40	
46	2122210012	Phạm Thị Ngọc Trâm	14/10/2004	CCQ2221E		Co thi	9.1	76	
47	2122170575	Nguyễn Minh Trí	13/10/2004	CCQ2217O		Trí	9.5	76	
48	2122110346	Vũ Hải Đăng Triều	04/08/2002	CCQ2211I			0.0		
49	2122110251	Nguyễn Trung Tuấn	16/02/2004	CCQ2211G		Tuan	7.9	72	
50	2122110283	Phạm Chánh Tuấn	01/01/2004	CCQ2211H		Co thi	8.7	72	
51	2122110285	Nguyễn Quốc Việt	28/09/2004	CCQ2211H		Viet	9.1	95	
52	2121030052	Nguyễn Thế Vinh	30/04/2003	CCQ2103B		Vinh	6.3	42	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn 2 (22400402) (Viết)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 23

Số bài thi: 23

Số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi Viết	Điểm HP
1	2121180046	Nguyễn Hoàn Diệu	07/10/2003	CCQ2118B	361		8.6	44	
2	2121110398	Nguyễn Phú Dinh	15/05/2000	CCQ2111D	208		9.2	64	
3	2122050008	Lưu Bá Đông	27/07/1998	CCQ2205A	137		7.7	57	
4	2122110289	Huỳnh Võ Thùy Dung	16/09/2004	CCQ2211H	475		8.6	64	
5	2121100223	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	14/04/2003	CCQ2110G	361		8.1	60	
6	2122030125	Phan Văn Hậu	18/03/2004	CCQ2203D	475		7.5	45	
7	2122110261	Mai Thị Kim Hiền	28/11/2004	CCQ2211G	208		9.6	95	
8	2122110305	Nguyễn Trọng Hiếu	04/07/2004	CCQ2211H	361		8.7	81	
9	2121210112	Lê Đức Hoài	01/05/2002	CCQ2121C	475		5.3	47	
10	2122110262	Trần Thị Minh Hoài	05/06/2004	CCQ2211G	137		9.7	82	
11	2121170546	Nguyễn Đức Hoàng	11/10/2002	CCQ2117P	208		7.0	49	
12	2121030037	Lê Văn Hưng	19/10/2003	CCQ2103B			3.2		
13	2122120459	Lê Thị Ngọc Hương	13/07/2004	CCQ2212N			0.0		
14	2122110460	Trương Học Hữu	17/08/2004	CCQ2211K	475		7.9	50	
15	2121170169	Nguyễn Quyền Huy	06/09/2003	CCQ2117E	361		5.1	49	
16	2121190046	Phan Thị Ngọc Huỳnh	24/02/2003	CCQ2119B	208		8.2	67	
17	2122110243	Võ Phan Kha Hy	11/12/2003	CCQ2211G	137		7.4	60	
18	2122130036	Lê Thị Mỹ Linh	19/05/2004	CCQ2211H	475		8.7	52	
19	2122210024	Phạm Thị Mỹ Linh	05/03/2004	CCQ2221A	361		7.3	53	
20	2122030126	Nguyễn Thành Lợi	26/09/2003	CCQ2203D	475		8.0	47	
21	2119030049	Võ Minh Luân	17/03/2001	CCQ1903B			0.0		
22	2121030059	Trần Văn Luận	01/03/2003	CCQ2103B	137		6.5	52	
23	2122110255	Phạm Văn Mạnh	05/10/2004	CCQ2211G	208		8.4	56	
24	2121120568	Triệu Tiến Mươi	07/09/1999	CCQ2112Q	361		7.8	67	
25	2121110387	Trần Trọng Nam	15/04/2003	CCQ2111C	208		7.5	88	
26	2121110155	Lê Quốc Nghiêm	30/11/2003	CCQ2111E	137		5.5	54	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

GVGD: Trần Thị Thảo
(Viết)

Môn học: Anh văn 2 (22400402)

Ngày thi: 22/08/2023

Giờ thi: 9g45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 2.1

Số bài thi: ...2.1....

Số tờ giấy thi: 2.1.

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Nguyễn Xuân Lưu
T.T. Hoàn

Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi Viết	Điểm HP
1	2122110299	Huỳnh Nhã	27/09/2004	CCQ2211H	361	Nhã	7.6	46	
2	2120110156	Trương Minh Nhật	05/04/2002	CCQ2011E			3.4		
3	2122110244	Lê Thị Hồng Nhung	04/01/2004	CCQ2211G	137	Nhung	8.6	69	
4	2122110302	Trần Tiến Phát	30/03/2003	CCQ2211H	208	Phát	7.8	65	
5	2122130063	Nguyễn Nhã Phương	27/01/2004	CCQ2213D	361	Thương	8.9	69	
6	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B			0.0		
7	2121110380	Nguyễn Hoàng Anh Quân	21/11/2003	CCQ2111D	475	Anh	6.5	52	
8	2122180044	Huỳnh Nhật Quang	08/10/2004	CCQ2218B	208	Quang	7.2	39	
9	2121110132	Phạm Việt Quang	18/09/2003	CCQ2111D	137	Quang	6.7	61	
10	2122120511	Lê Thị Ái Quỳnh	19/09/2004	CCQ2212N			0.0		
11	2122120517	Nguyễn Minh Tân	09/02/2003	CCQ2212N	361	Tân	3.7	86	
12	2122110277	Nguyễn Phước Thắng	24/01/2004	CCQ2211G	208	Thắng	7.3	65	
13	2122110245	Phan Thị Thanh Thảo	07/01/2004	CCQ2211G	137	Thao	7.6	60	
14	2122170044	Ngô Trọng Thoại	07/11/2004	CCQ2217B	208	Thoai	9.2	73	
15	2122110301	Tiêu Thị Minh Thương	15/04/2004	CCQ2211H	137	Thy	8.8	62	
16	2122100236	Nguyễn Thị Cẩm Thy	12/08/2004	CCQ2210G	361	Thy	6.2	71	
17	2122210193	Trương Xuân Tiến	18/03/1999	CCQ2221E			0.0		
18	2121180013	Nguyễn Thành Tín	12/12/2003	CCQ2118A	137	Tin	8.5	43	
19	2121120144	Trần Đức Tín	13/02/2001	CCQ2112E	475	Tin	6.3	44	
20	2122210012	Phạm Thị Ngọc Trâm	14/10/2004	CCQ2221E	361	Tram	9.1	81	
21	2122170575	Nguyễn Minh Trí	13/10/2004	CCQ2217O	137	Tri	9.5	77	
22	2122110346	Vũ Hải Đăng Triều	04/08/2002	CCQ2211H			0.0		
23	2122110251	Nguyễn Trung Tuấn	16/02/2004	CCQ2211G	475	Tuan	7.9	75	
24	2122110283	Phạm Chánh Tuấn	01/01/2004	CCQ2211H	137	Tuan	8.7	73	
25	2122110285	Nguyễn Quốc Việt	28/09/2004	CCQ2211H	208	Viet	9.1	76	
26	2121030052	Nguyễn Thế Vinh	30/04/2003	CCQ2103B	475	Vinh	6.3	43	

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Số SV có mặt:....46

Số bài thi:46.....

Số tờ giấy thi:.....

Số tờ giấy thi:.....

Trang 1 / 2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn 2 (22400402) *Tổng hợp (Viết + Vấn đáp)*

Ngày thi: 18/08/2023 Số SV có mặt: 46..

Giờ thi: 8h00 Số bài thi:46.

Phòng thi: 101 Số tờ giấy thi:.....

Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122110244	Lê Thị Hồng Nhung	04/01/2004	CCQ2211G		<i>Nhung</i>	8.6	6.3	7.2
30	2122110302	Trần Tiến Phát	30/03/2003	CCQ2211H		<i>Phát</i>	7.8	7.6	7.7
31	2122130063	Nguyễn Nhã Phương	27/01/2004	CCQ2213D		<i>Phuong</i>	8.9	7.9	8.3
32	2122050049	Đặng Minh Quân	17/06/2004	CCQ2205B			0.0		
33	2121110380	Nguyễn Hoàng Anh Quân	21/11/2003	CCQ2111D		<i>Anh</i>	6.5	5.1	5.7
34	2122180044	Huỳnh Nhật Quang	08/10/2004	CCQ2218B		<i>Quang</i>	7.2	4.0	5.3
35	2121110132	Phạm Việt Quang	18/09/2003	CCQ2111D		<i>Quang</i>	6.7	6.1	6.3
36	2122120511	Lê Thị Ái Quỳnh	19/09/2004	CCQ2212N			0.0		
37	2122120517	Nguyễn Minh Tân	09/02/2003	CCQ2212N			3.7	9.3	7.1
38	2122110277	Nguyễn Phước Thắng	24/01/2004	CCQ2211G		<i>Thang</i>	7.3	6.0	6.5
39	2122110245	Phan Thị Thanh Thảo	07/01/2004	CCQ2211G		<i>Thao</i>	7.6	5.9	6.6
40	2122170044	Ngô Trọng Thoại	07/11/2004	CCQ2217B			9.2	8.0	8.5
41	2122110301	Tiêu Thị Minh Thương	15/04/2004	CCQ2211H		<i>Thy</i>	8.8	5.8	7.0
42	2122100236	Nguyễn Thị Cẩm Thy	12/08/2004	CCQ2210G		<i>Thy</i>	6.2	6.1	6.1
43	2122210193	Trương Xuân Tiên	18/03/1999	CCQ2221E			0.0		
44	2121180013	Nguyễn Thành Tin	12/12/2003	CCQ2118A		<i>Tin</i>	8.5	5.7	6.8
45	2121120144	Trần Đức Tín	13/02/2001	CCQ2112E		<i>Tin</i>	6.3	4.2	5.0
46	2122210012	Phạm Thị Ngọc Trâm	14/10/2004	CCQ2221E		<i>Tram</i>	9.1	7.9	8.4
47	2122170575	Nguyễn Minh Trí	13/10/2004	CCQ2217O			9.5	7.7	8.4
48	2122110346	Vũ Hải Đăng Triều	04/08/2002	CCQ2211H			0.0		
49	2122110251	Nguyễn Trung Tuấn	16/02/2004	CCQ2211G		<i>Tuan</i>	7.9	7.4	7.6
50	2122110283	Phạm Chánh Tuấn	01/01/2004	CCQ2211H		<i>Tuan</i>	8.7	7.3	7.9
51	2122110285	Nguyễn Quốc Việt	28/09/2004	CCQ2211H		<i>Viet</i>	9.1	8.6	8.8
52	2121030052	Nguyễn Thế Vinh	30/04/2003	CCQ2103B		<i>Vinh</i>	6.3	4.3	5.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

④

GVGD: Nguyễn Thanh Loan

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431501)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Trần T. A. Huỳnh H. O. Nguyễn H. O. Nguyễn H. O. Nguyễn H. O. Nguyễn H. O.

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2120220005	Nguyễn Trung Ái	18/03/2000	CCQ2024G			0.0		
2	2121240156	Võ Hoàng Ân	19/11/2003	CCQ2124F			7.9	67	72
3	2120240091	Trần Thị Kim Anh	01/01/2002	CCQ2024D			4.0	66	56
4	2121240123	Lê Thị Yến Chi	19/10/2003	CCQ2124E			9.2	82	86
5	2121240129	Nguyễn Chí Cường	08/03/2000	CCQ2124E			8.7	78	82
6	2121240140	Nguyễn Trí Cường	02/02/2003	CCQ2124E			9.3	81	86
7	2121240164	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	01/01/2002	CCQ2124F			6.2	46	52
8	2121240173	Nguyễn Thị Bé Duyên	20/07/1999	CCQ2124F			8.3	66	73
9	2120240100	Bùi Công Hậu	18/12/2002	CCQ2024D			5.3	65	60
10	2121240175	Võ Thị Thu Hiền	17/01/2001	CCQ2124F			7.0	55	61
11	2120050046	Hồ Hoàng Khanh	02/12/2002	CCQ2024G			4.5	77	64
12	2121240168	Nguyễn Đăng Khoa	10/05/2003	CCQ2124F			7.2	73	73
13	2121240144	Trần Minh Khôi	23/05/2003	CCQ2124E			8.2	84	83
14	2120240208	Trần Nguyễn Minh Khôi	01/05/2002	CCQ2024C			4.7	45	46
15	2121240154	Kon Sơ K Lan	13/09/2000	CCQ2124F			8.2	60	63
16	2121240151	Bùi Nhật Mai Linh	05/09/2003	CCQ2124F			8.8	85	86
17	2121240128	Lê Thị Linh	05/10/2002	CCQ2124E			5.1	55	53
18	2120240194	Trần Hoàng Minh Lượng	08/08/2002	CCQ2024G			4.8	86	71
19	2121240153	Bùi Nhật Mai Ly	05/09/2003	CCQ2124F			9.4	91	92
20	2122240110	Hoàng Thị Mai	11/10/2001	CCQ2224D			8.1	68	73
21	2121240145	Nguyễn Thị Hằng Nga	31/03/2003	CCQ2124E			5.9	68	64
22	2119240215	Nguyễn Thanh Ngân	09/05/2001	CCQ1924H			5.2	73	65
23	2121240009	Trần Kim Ngọc	06/12/2003	CCQ2124A			4.3	30	35
24	2121240133	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	27/11/2003	CCQ2124E			5.5	80	70
25	2121240084	Trần Thanh Thà	25/04/2003	CCQ2124C			7.1	46	56
26	2120240052	Đỗ Thị Hồng Thắm	29/07/2002	CCQ2024B			8.4	58	68
27	2121170322	Phan Phú Thành	07/05/2003	CCQ2124F			6.8	53	59
28	2122240009	Đỗ Thị Thảo	03/09/2000	CCQ2224A			2.1		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431501)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Thông	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121240141	Vũ Minh	Thông	13/10/2003	CCQ2124E		<i>(Signature)</i>	8.7	79	82
30	2121240121	Dương Ngọc Anh	Thư	01/01/2003	CCQ2124E		<i>(Signature)</i>	7.8	78	78
31	2120240227	Hoàng Nguyễn Anh	Thư	03/03/2002	CCQ2024G		<i>(Signature)</i>	4.1	21	29
32	2121240147	Nguyễn Thị Minh	Trâm	08/08/2001	CCQ2124E		<i>(Signature)</i>	6.6	40	50
33	2121240089	Mai Minh	Trí	05/01/2003	CCQ2124C	0	<i>(Signature)</i>	5.1	61	57
34	2121240136	Huỳnh Yến	Tuyết	07/03/2003	CCQ2124E		<i>(Signature)</i>	7.4	72	73
35	2121240174	Trần Văn	Vũ	19/09/2002	CCQ2124F		<i>(Signature)</i>	7.3	54	62

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Đ 15
H 2

GVGD: Nguyễn Thanh Loan

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431502)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 17
Số bài thi: 17
Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

P. Thị Thu

Nguyễn Tâm Anh

PTSD

Nguyễn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Anh	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121240091	Lại Ngọc Lan	Anh	18/05/2003	CCQ2124D	1	Jan	4.9	52	51
2	2121240098	Vũ Thị Ngọc	Anh	24/08/2002	CCQ2124D	1	Thu	7.9	72	75
3	2121240076	Dương Thị Huệ	Chi	12/04/2002	CCQ2124C	1	Huê	9.6	84	89
4	2121240068	La Thị	Đào	29/08/2003	CCQ2124C	1	Đào	6.1	46	52
5	2121240112	Bùi Thị Thanh	Hà	12/07/2003	CCQ2124D			4.0		
6	2121240100	Cao Thị Xuân	Hà	09/01/2003	CCQ2124D	1	Tha	5.9	63	61
7	2121240115	Đỗ Thị Thúy	Hải	21/11/2003	CCQ2124D	1	Thy	7.7	73	75
8	2118240158	Rahlan	H'chinh	11/08/1998	CCQ1824C	1	H'chinh	7.0	24	42
9	2121240118	Đường Minh	Hiền	20/01/2003	CCQ2124D	1	Minh	8.5	75	79
10	2121240104	Lê Ngọc	Hoàng	18/04/2003	CCQ2124D	1	Hoang	8.0	71	75
11	2121240067	Lâm Thị Hải	Hương	28/04/2003	CCQ2124C			0.0		
12	2120240126	Trương Minh	Khoa	14/09/2002	CCQ2024E	1	Minh	5.0	59	55
13	2121240079	Trương Tân	Khoa	14/09/2002	CCQ2124C			2.0		
14	2121240081	Hà Thị Mỹ	Linh	27/12/2003	CCQ2124C	1	My	6.2	74	69
15	2121240090	Trần Triệu Khánh	Linh	14/12/2003	CCQ2124C	1	Khánh	9.5	85	89
16	2121240070	Nguyễn Đức	Lộc	10/02/2003	CCQ2124C	1	Đức	4.9	63	57
17	2121240086	Lê Trịnh Thanh	Mai	21/05/2003	CCQ2124C	1	Trinh	4.3	29	35
18	2121240119	Lê Thị Diễm	My	15/09/2003	CCQ2124D	1	My	8.5	77	80
19	2121240083	Phạm Thị Thu	Nga	27/10/2003	CCQ2124C	1	Thu	5.8	48	52
20	2121240080	Phan Thanh	Ngân	12/05/2003	CCQ2124C	1	Thanh	9.2	82	86

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

⑥

GVGD: Nguyễn Thanh Loan

Môn học: Phiên dịch thương mại (22431502)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B103

Đ 15
H 3

Số SV có mặt: 18..

Số bài thi: ...18....

Số tờ giấy thi: 18..

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121240099	Trần Thị Kim Ngân	25/06/2003	CCQ2124D			0.0		
2	2121240085	Phan Thị Thanh Nhã	02/05/2003	CCQ2124C			4.7	64	57
3	2121240096	Phan Thiên Như	02/11/2003	CCQ2124D			8.6	87	87
4	2121240087	Trần Nguyễn Quỳnh Như	15/12/2003	CCQ2124C			8.7	78	82
5	2121240102	Vũ Quỳnh Như	17/01/2003	CCQ2124D			6.0	51	55
6	2121240107	Nguyễn Thị Kim Nhung	28/06/2003	CCQ2124D			8.5	83	84
7	2121240097	Hồ Sĩ Phi	19/08/2002	CCQ2124D			4.9	70	62
8	2121240114	Lý Thị Ngọc Quý	10/02/2003	CCQ2124D			4.5	48	47
9	2121240106	Lê Nguyễn Phương Quỳnh	01/03/2003	CCQ2124D			5.9	79	71
10	2121240108	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh	19/06/2003	CCQ2124D			6.2	62	62
11	2121240092	Nguyễn Trần Bích Thoa	19/06/2003	CCQ2124D			8.9	69	77
12	2121240101	Nguyễn Phan Minh Thư	16/09/2003	CCQ2124D			6.2	85	76
13	2121240073	Lê Nguyễn Hoài Thương	23/07/2002	CCQ2124C			0.0		
14	2121240111	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	19/09/2003	CCQ2124D			8.8	87	87
15	2121240064	Ngô Hoàng Khả Tú	23/07/2003	CCQ2124C			5.0	54	52
16	2121240116	Nguyễn Thị Bích Vi	04/06/2003	CCQ2124D			7.6	52	62
17	2120240057	Trần Thị Diệu Vi	30/11/2002	CCQ2024B			7.0	26	44
18	2121240103	Huỳnh Lý Thảo Vy	16/12/2003	CCQ2124D			7.3	60	65
19	2121240062	Huỳnh Mỹ Giao Vy	15/08/2003	CCQ2124C			2.9		
20	2121240110	Trương Thúy Vy	15/10/2003	CCQ2124D			7.0	60	64
21	2121240120	Huỳnh Thị Như Ý	08/12/2003	CCQ2124D			4.1	17	27

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

7

GVGD: Nguyễn Thanh Loan

Môn học: Phiên dịch thương mại nâng cao
(22438501)

Ngày thi: 23/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: B104

Đ: 15
H: 2

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Chi	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121242004	Đặng Linh	Chi	02/08/2003	CCQ2124LA			5.0	50	50
2	2121242006	Lê Nguyễn Ánh	Dương	01/03/2002	CCQ2124LA			5.0	76	66
3	2121240008	Hồ Thị	Hoài	04/08/2001	CCQ2124A			8.7	74	79
4	2121242002	Hồ Thị Như	Lê	16/11/2003	CCQ2124LA			6.2	78	72
5	2121240060	Hoàng Thị	Liễu	23/04/2001	CCQ2124B			9.1	82	86
6	2121240012	Nguyễn Thị	Linh	20/08/2002	CCQ2124A			5.5	84	72
7	2121240163	Điền Thành	Long	10/05/2000	CCQ2124F			5.7	54	55
8	2122240061	Phạm Hoàng Xuân	Mai	25/02/1998	CCQ2224B			5.0	31	39
9	2122240002	Hồ Nguyễn Kiều	Mỹ	11/09/1998	CCQ2224A			6.3	54	58
10	2121240038	Nguyễn Thị Yến	Nhi	04/07/2003	CCQ2124B			8.9	81	84
11	2121242001	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	31/12/2003	CCQ2124LA			5.0	50	50
12	2121242003	Nguyễn Trọng	Phúc	04/05/2003	CCQ2124LA			5.0	50	50
13	2121242007	Hoàng Lan	Phương	07/09/2003	CCQ2124LA			5.2	49	50
14	2121240019	Nguyễn Đoàn Triệu	Quân	20/03/2003	CCQ2124A			7.4	71	72
15	2121240078	Nguyễn Thị Hoài	Thương	05/06/2001	CCQ2124C			5.2	79	68
16	2122240003	Nguyễn Thị Kim	Vân	15/08/1998	CCQ2224A			5.0	35	41
17	2121240001	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	22/03/2002	CCQ2124A			7.7	69	72

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

⑧

GVGD: Lê Thị Thanh Thảo

Môn học: Đọc thương mại (22435701)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 11

Số bài thi: 11

Số tờ giấy thi: 11

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Thăng Đạt

Vũ Quốc Bảo

Cali Minh Tuấn

Lê Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2119260283	Nguyễn Trâm Anh	02/10/2001	CCQ1924J	169	[Signature]	7.8	62	68
2	2122240126	Vô Thị Lan Anh	23/06/2003	CCQ2224LA	245	[Signature]	6.9	66	67
3	2122240154	Trần Huỳnh Phúc Bảo	10/08/2004	CCQ2224LA	326	[Signature]	6.4	76	71
4	2122240202	Trần Thị Hương	03/08/2002	CCQ2224D	493	[Signature]	8.9	64	74
5	2122240127	Nguyễn Ngô Nhật Lam	12/06/2004	CCQ2224LA	169	Lam	7.3	38	52
6	2122240123	Lê Xuân Phương Linh	01/10/2004	CCQ2224LA	245	Linh	6.7	40	51
7	2122240130	Huỳnh Nguyễn Trà My	08/10/2004	CCQ2224LA	326	[Signature]	6.6	76	72
8	2122240153	Huỳnh Ngọc Phương Như	11/08/2004	CCQ2224LA	245	[Signature]	8.1	78	79
9	2122240083	Trương Hữu Quốc	10/08/2002	CCQ2224C	169	[Signature]	8.3	62	70
10	2122240015	Bùi Thị Kim Tinh	16/03/2004	CCQ2224A	493	[Signature]	9.0	72	79
11	2122240124	Huỳnh Thị Bích Vy	26/12/2003	CCQ2224LA	326	[Signature]	6.8	44	54

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

⑨

Đ: 31

H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435702)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 31/...

Số bài thi: 31/...

Số tờ giấy thi: 31/...

Nguyễn Đức Bảo

Đ. H. Dyer

Le Thanh Cuong

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122240171	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	11/07/2003	CCQ2224F	493	<i>Trâm</i>	84	54	66
2	2122240163	Trần Bùi Việt Anh	23/01/2004	CCQ2224E	169	<i>Việt</i>	76	44	57
3	2121240161	Trần Thị Tuyết Anh	19/06/2003	CCQ2124F	245	<i>Tuyết</i>	88	54	68
4	2121110334	Trần Thanh Bình	08/05/2003	CCQ2124F	326	<i>Thanh</i>	72	82	78
5	2122240143	Hoàng Thị Thu Đào	22/02/2002	CCQ2224E	493	<i>Thu</i>	98	68	80
6	2122240184	Lê Thị Mỹ Đào	18/10/2004	CCQ2224F					
7	2122240181	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	01/05/2004	CCQ2224F	245	<i>Diễm</i>	95	52	69
8	2121240059	Lê Thị Giang	02/10/2003	CCQ2124B	326	<i>Giang</i>	86	42	60
9	2122240157	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30/03/1999	CCQ2224B					
10	2118240158	Rahlan H'chinh	11/08/1998	CCQ1824C	169	<i>H'chinh</i>	92	54	69
11	2122240186	Lê Đỗ Quốc Hùng	04/04/2004	CCQ2224F	245	<i>Quốc</i>	70	78	87
12	2122240146	Trần Thu Hương	20/08/2003	CCQ2224E	326	<i>Thu</i>	80	62	69
13	2120240102	Đỗ Thiện Huy	23/07/2002	CCQ2024D	493	<i>Thiện</i>	88	62	72
14	2122240176	Huỳnh Quốc Khải	08/02/2004	CCQ2224F	169	<i>Khải</i>	95	38	61
15	2122240165	Lê Diễm Kiều	10/04/2004	CCQ2224E	245	<i>Kiều</i>	84	46	61
16	2122240183	Nguyễn Thị Ngọc Loan	29/05/2004	CCQ2224E	326	<i>Loan</i>	90	86	88
17	2120240132	Thập Nữ Kim Ngân	14/02/2002	CCQ2024E	493	<i>Kim</i>	89	62	73
18	2121240137	Huỳnh Thùy Quỳnh Như	02/01/2003	CCQ2124E	169	<i>Thùy</i>	77	70	73
19	2122240192	Nguyễn Thị Mỹ Nương	03/11/2004	CCQ2224F	245	<i>Nương</i>	99	86	91
20	2121240011	Võ Thị Bích Phượng	25/02/2003	CCQ2124A	326	<i>Phượng</i>	73	40	53
21	2122240167	Nguyễn Lâm Như Quỳnh	26/09/2004	CCQ2224E	493	<i>Quỳnh</i>	85	40	58
22	2122240191	Nguyễn Trần Ngọc Quỳnh	27/06/2004	CCQ2224F	169	<i>Quỳnh</i>	82	68	74
23	2122240177	Nguyễn Thị Lệ Sương	26/01/2004	CCQ2224F	245	<i>Sương</i>	78	58	66
24	2122240169	Tổng Minh Tân	28/04/2004	CCQ2224F					
25	2122240185	Cao Thị Thanh Thảo	16/07/2004	CCQ2224F	493	<i>Thanh</i>	84	48	62
26	2122240178	Phạm Lê Phương Thảo	13/08/2004	CCQ2224F	169	<i>Phương</i>	88	58	70
27	2120240115	Nguyễn Thị Thanh Thúy	20/02/2002	CCQ2024D	169	<i>Thúy</i>	81	54	65
28	2122240173	Hồ Thị Xuân Thùy	10/02/2004	CCQ2224F	326	<i>Thùy</i>	89	76	81

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Đọc thương mại (22435702)

Ngày thi: 24/08/2023

Giờ thi: 12g30

Phòng thi: B105

Số SV có mặt: 31/...

Số bài thi: ...31/...

Số tờ giấy thi: 31/...

Nguyễn Đức Bảo
du
Đ. H. Duyen

Cái Minh Thuận

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121240052	Vũ Thị Thùy	Trâm	09/10/2003	CCQ2124B	493	<i>Thuy Tran</i>	87	54	67
30	2121240064	Ngô Hoàng Khả	Tú	23/07/2003	CCQ2124C	245	<i>Huynh</i>	81	42	58
31	2122240195	Thái Kim Phương	Uyên	27/10/2004	CCQ2224F	245	<i>us</i>	89	90	90
32	2122240003	Nguyễn Thị Kim	Vân	15/08/1998	CCQ2224A	326	<i>vv</i>	77	42	56
33	2122240145	Phạm Yến	Vy	10/05/2003	CCQ2224E	493	<i>Vy</i>	90	46	64
34	2122240120	Trần Hải	Yến	19/12/2004	CCQ2224E	159	<i>vd</i>	78	50	61

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

(12)

GVGD: Phan Thị Thu

Đ: 46
H: 1

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch thương mại (22431401)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 47
Số bài thi: 47
Số tờ giấy thi: 47

Nguyen Sinh

mau
NTMLan

Phan T. Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
1	2120220005	Nguyễn Trung Ái	18/03/2000	CCQ2024G			0.7		
2	2121240091	Lại Ngọc Lan	18/05/2003	CCQ2124D	01	Lat	7.8	67	71
3	2121240122	Trần Hoài Vân	12/08/2003	CCQ2124E	01	Chinh	8.4	64	72
4	2121240098	Vũ Thị Ngọc	24/08/2002	CCQ2124D	01	all	8.3	63	71
5	2121240076	Dương Thị Huệ	12/04/2002	CCQ2124C	01	Phuoc	9.8	90	93
6	2121240123	Lê Thị Yến	19/10/2003	CCQ2124E	01	Yen	9.6	78	85
7	2121240129	Nguyễn Chí Cường	08/03/2000	CCQ2124E	01	Quoc	9.4	84	88
8	2121240164	Nguyễn Ngọc Mỹ	01/01/2002	CCQ2124F	01	My	8.6	61	71
9	2121240173	Nguyễn Thị Bé	20/07/1999	CCQ2124F	01	Boduyet	9.0	67	76
10	2121240112	Bùi Thị Thanh	12/07/2003	CCQ2124D	01	Thanh	5.9	55	57
11	2121240100	Cao Thị Xuân	09/01/2003	CCQ2124D	01	Thao	8.8	68	76
12	2120240066	Nguyễn Thị Thu	20/12/2002	CCQ2024C	01	Thu	6.7	67	67
13	2121240115	Đỗ Thị Thúy	21/11/2003	CCQ2124D	01	Thuy	9.2	64	75
14	2120240100	Bùi Công Hậu	18/12/2002	CCQ2024D	01	Hau	8.5	59	69
15	2121240175	Võ Thị Thu	17/01/2001	CCQ2124F	01	Thu	8.9	59	71
16	2121240104	Lê Ngọc Hoàng	18/04/2003	CCQ2124D	01	Hoang	9.4	82	87
17	2121240168	Nguyễn Đăng Khoa	10/05/2003	CCQ2124F	01	Khoa	8.8	64	74
18	2121240079	Trương Tân Khoa	14/09/2002	CCQ2124C	01	Khoa	5.6	30	40
19	2121240144	Trần Minh Khôi	23/05/2003	CCQ2124E	01	Minh	9.3	84	88
20	2121240069	Trần Thị Thúy Kiều	16/07/2003	CCQ2124C	01	Thuy	9.4	85	89
21	2121240154	Kon Sơ K Lan	13/09/2000	CCQ2124F	01	Lan	8.4	57	68
22	2121240081	Hà Thị Mỹ Linh	27/12/2003	CCQ2124C	01	My	9.1	78	83
23	2121240128	Lê Thị Linh	05/10/2002	CCQ2124E		Linh	8.1	65	71
24	2121240090	Trần Triệu Khánh	14/12/2003	CCQ2124C	01	Triet	9.4	79	85
25	2121240070	Nguyễn Đức Lộc	10/02/2003	CCQ2124C	01	Loc	7.7	73	75
26	2121240086	Lê Trịnh Thanh Mai	21/05/2003	CCQ2124C	01	Mai	7.3	46	57
27	2121240145	Nguyễn Thị Hằng Nga	31/03/2003	CCQ2124E	01	Hang	8.0	62	69
28	2121240083	Phạm Thị Thu Nga	27/10/2003	CCQ2124C	01	Thung	8.1	59	68

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch thương mại (22431401)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 47

Số bài thi: 47

Số tờ giấy thi: 47

Nguyễn Hiền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2121240080	Phan Thanh Ngân	12/05/2003	CCQ2124C	01	ngan	9.6	86	90
30	2121240053	Nguyễn Thị Thảo	30/05/2002	CCQ2124B	01	thao	8.7	58	70
31	2121240133	Nguyễn Thị Ngọc	27/11/2003	CCQ2124E	01	ngoc	7.6	73	74
32	2121240087	Trần Nguyễn Quỳnh	15/12/2003	CCQ2124C	01	quynh	9.5	78	85
33	2121240107	Nguyễn Thị Kim	28/06/2003	CCQ2124D	01	kim	9.5	76	84
34	2121240097	Hồ Sĩ Phi	19/08/2002	CCQ2124D	01	phi	8.1	63	70
35	2120240245	Nguyễn Huỳnh Như	18/11/2002	CCQ2024H	01	huynh	5.0	82	69
36	2121240114	Lý Thị Ngọc	10/02/2003	CCQ2124D	01	ngoc	6.0	60	60
37	2121240106	Lê Nguyễn Phương	01/03/2003	CCQ2124D	01	phuong	9.2	76	82
38	2121240084	Trần Thanh Thà	25/04/2003	CCQ2124C	01	tha	8.1	48	61
39	2121240024	Nguyễn Thị Thanh	16/03/2003	CCQ2124A	01	thanh	7.9	72	75
40	2121240092	Nguyễn Trần Bích	19/06/2003	CCQ2124D	01	bich	9.2	72	80
41	2121240074	Biện Thị Hoài	29/12/2003	CCQ2124C	01	hoai	7.9	72	75
42	2121240101	Nguyễn Phan Minh	16/09/2003	CCQ2124D	01	minh	7.5	80	78
43	2121240073	Lê Nguyễn Hoài	23/07/2002	CCQ2124C			2.7		
44	2121240064	Ngô Hoàng Khả	23/07/2003	CCQ2124C	01	khah	8.0	63	70
45	2121190165	Bá Thị Kim	28/03/2003	CCQ2124F	01	kim	9.4	85	89
46	2121240116	Nguyễn Thị Bích	04/06/2003	CCQ2124D	01	bich	8.7	68	76
47	2121240174	Trần Văn Vũ	19/09/2002	CCQ2124F	01	vu	8.8	49	65
48	2121240062	Huỳnh Mỹ Giao	15/08/2003	CCQ2124C	01	giao	5.8	52	54
49	2121240110	Trương Thúy Vy	15/10/2003	CCQ2124D	01	vy	9.2	77	83

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

13

GVGD: Trần Thị Ái Hương

A: 16

H: 2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch thương mại (22431402)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121240156	Võ Hoàng Ân	19/11/2003	CCQ2124F	1		7.9	7.6	7.7
2	2122240143	Hoàng Thị Thu	22/02/2002	CCQ2224E	1		8.3	7.4	7.8
3	2121240068	La Thị	29/08/2003	CCQ2124C	1		8.4	6.8	7.4
4	2121240118	Đường Minh Hiền	20/01/2003	CCQ2124D	1		9.6	7.5	8.3
5	2121240067	Lâm Thị Hải	28/04/2003	CCQ2124C			3.6		
6	2121240151	Bùi Nhật Mai	05/09/2003	CCQ2124F	1		10.0	8.3	9.0
7	2121240153	Bùi Nhật Mai	05/09/2003	CCQ2124F	1		9.5	7.9	8.5
8	2121240119	Lê Thị Diễm	15/09/2003	CCQ2124D	1		9.7	8.0	8.7
9	2121240099	Trần Thị Kim Ngân	25/06/2003	CCQ2124D			0.0		
10	2121240085	Phan Thị Thanh Nhã	02/05/2003	CCQ2124C	1		6.3	6.1	6.2
11	2121240137	Huỳnh Thùy Quỳnh	02/01/2003	CCQ2124E	1		6.4	4.0	5.0
12	2121240096	Phan Thiên	02/11/2003	CCQ2124D	1		9.1	7.9	8.4
13	2121240102	Vũ Quỳnh	17/01/2003	CCQ2124D	1		8.7	7.6	8.0
14	2120240049	Lê Thị Kim Oanh	16/07/2002	CCQ2024B	1		7.6	2.8	4.7
15	2121240108	Nguyễn Trương Ngọc Quỳnh	19/06/2003	CCQ2124D	1		7.2	6.4	6.7
16	2121240111	Nguyễn Ngọc Thùy Tiên	19/09/2003	CCQ2124D	1		9.7	7.8	8.6
17	2121240147	Nguyễn Thị Minh Trâm	08/08/2001	CCQ2124E	1		8.0	3.7	5.4
18	2120240057	Trần Thị Diệu Vi	30/11/2002	CCQ2024B	1		8.1	3.2	5.2
19	2121240103	Huỳnh Lý Thảo Vy	16/12/2003	CCQ2124D	1		8.7	6.7	7.5
20	2121240120	Huỳnh Thị Như Ý	08/12/2003	CCQ2124D	1		6.0	2.9	4.1

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

19

GVGD: Phan Thị Thu

Đ: 15
H: 0

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Biên dịch thương mại nâng cao
(22438401)

Ngày thi: 25/08/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D5-31

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

HTD Phan Thanh T.T.T. Ha T.T. Di Thuy P. Phan Thi Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121242004	Đặng Linh Chi	02/08/2003	CCQ2124LA	1	Linh Chi	8.2	49	62
2	2121242006	Lê Nguyễn Ánh Dương	01/03/2002	CCQ2124LA	1	Duong	9.7	95	96
3	2121240008	Hồ Thị Hoài	04/08/2001	CCQ2124A	1	Hoai	9.2	85	88
4	2121242002	Hồ Thị Như Lệ	16/11/2003	CCQ2124LA	1	Nhu	9.6	82	88
5	2121240060	Hoàng Thị Liễu	23/04/2001	CCQ2124B	1	Ly	9.4	88	90
6	2121240012	Nguyễn Thị Linh	20/08/2002	CCQ2124A	1	Linh	9.0	86	88
7	2122240061	Phạm Hoàng Xuân Mai	25/02/1998	CCQ2224B	1	Xuan	8.1	36	54
8	2122240002	Hồ Nguyễn Kiều Mỹ	11/09/1998	CCQ2224A	1	Kieu	9.1	72	80
9	2121240038	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/07/2003	CCQ2124B	1	Nhi	9.8	96	97
10	2121242001	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	31/12/2003	CCQ2124LA	1	Nhu	7.9	52	63
11	2121242003	Nguyễn Trọng Phúc	04/05/2003	CCQ2124LA	1	Phuc	8.3	51	64
12	2121242007	Hoàng Lan Phương	07/09/2003	CCQ2124LA	1	Phuong	8.2	56	66
13	2121240019	Nguyễn Đoàn Triệu Quân	20/03/2003	CCQ2124A	1	Quân	9.7	87	91
14	2121240078	Nguyễn Thị Hoài Thương	05/06/2001	CCQ2124C	1	Thuong	9.4	91	92
15	2121240001	Nguyễn Ngọc Tường Vy	22/03/2002	CCQ2124A	1	Vy	8.9	76	81

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

(20)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

GVGD: Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn cơ bản (22410301)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 25

Số bài thi: 24

Số tờ giấy thi: 24

Nguyễn Thành
Nguyễn Xuân Lưu
Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2120180001	Nguyễn Thành An	01/02/2002	CCQ2018A	174	An	7.8	64	7.0
2	2122170063	Võ Hoàng Ân	30/03/2004	CCQ2217B			2.9		
3	2120170003	Nguyễn Chí Bảo	23/01/2002	CCQ2017A			0.0		
4	2120270071	Phạm Thị Như Bình	19/04/2002	CCQ2027C			0.0		
5	2122170014	Nguyễn Văn Đức Cảnh	02/02/2004	CCQ2217A	174	Cảnh	8.3	46	61
6	2120180009	Phạm Thành Đạt	08/12/2002	CCQ2018A	492	Đạt	8.7	82	84
7	2121120262	Huỳnh Trung Đức	02/08/2003	CCQ2112H	174	Đức	5.9	44	5.0
8	2122170335	Nguyễn Tấn Đức	06/04/2004	CCQ2217I	251	Đức	4.8	37	4.1
9	2121030126	Vũ Tuấn Duy	04/10/2003	CCQ2103D			0.0		
10	2120210039	Nguyễn Ngọc Duyên	08/09/1996	CCQ2021B	251	Duyên	7.8	86	83
11	2122120301	Lê Thị Thu Giang	28/05/2004	CCQ2212I	320	Giang	7.3	62	6.6
12	2120240066	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/2002	CCQ2024C	251	Thu Hà	9.4	82	8.7
13	2122170288	Tổng Trường Hải	13/09/2004	CCQ2217H	320	Hải	6.2	63	6.3
14	2122200234	Dương Thị Hạnh	22/05/2004	CCQ2220G	251	Hạnh	5.2	63	5.9
15	2117170255	Nguyễn Phi Hùng	08/07/1999	CCQ1717D	320	Hùng	8.0	63	7.0
16	2122170251	Lê Ngô Minh Khôi	21/09/2004	CCQ2217G	251	Khôi	6.7	70	6.9
17	2120090010	Nguyễn Minh Khôi	16/12/2002	CCQ2009A	320	Khôi	5.1	32	4.0
18	2122170324	Trần Đình Khương	03/09/2004	CCQ2217I	251	Khương	7.1	62	6.6
19	2120120289	Giang Trung Kiên	29/09/2001	CCQ2012I	320	Kiên	5.7	59	5.8
20	2122120297	Nguyễn Hà Linh	13/04/2004	CCQ2212I	251	Linh	6.7	59	6.2
21	2120120015	Nguyễn Thị Thùy Linh	28/07/2000	CCQ2012A	320	Thùy Linh	7.4	72	7.3
22	2122180007	Đinh Nguyễn Thành Long	11/10/2004	CCQ2218A	492	Long	4.0	45	4.3
23	2120120664	Lê Văn Lực	07/02/2002	CCQ2012H	174	Lực	5.0	89	7.3
24	2120120328	Nguyễn Việt Mai	11/09/2002	CCQ2012J	492	Mai	5.9	31	4.2
25	2122220032	Hứa Đức Mạnh	15/02/2004	CCQ2222A	174	Mạnh	8.1	68	7.3
26	2122170500	Trần Văn Minh	02/09/2004	CCQ2217M	492	Minh	4.6	51	4.9
27	2122260071	Nguyễn Võ Kiều My	22/07/2004	CCQ2226C	174	My	5.9	38	4.6
28	2122120271	Đàng Thị My Na	08/03/2003	CCQ2212H	492	My Na	7.0	58	6.3

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn cơ bản (22410301)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B101

Số SV có mặt: 26

Số bài thi:26....

Số tờ giấy thi: 26

Ngô Văn Thước
Nguyễn Xuân Lưu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2120180017	Hà Hoài	Nam	16/04/2002	CCQ2018A	442	nam	8.8	84	86

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

(21)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viễn chấm thi 1 G.Viễn chấm thi 2

GVGD: Trần Thị Thảo

Môn học: Anh văn cơ bản (22410301)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 27
Số bài thi: 27
Số tờ giấy thi: 27

IT Phươc N.T. Tiến Phạm Văn Mạnh Trần Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Nam/Nữ	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	D.QT (40%)	D.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122170111	Lê Hoài	Nam	06/06/2004	CCQ2217C	174		5.3	3.0	39
2	2122120287	Bùi Thanh	Ngân	19/01/2004	CCQ2212I	251		8.3	55	6.6
3	2122210182	Nguyễn Xuân	Nghi	02/04/2004	CCQ2221C	320		9.2	79	84
4	2120120662	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	20/07/2001	CCQ2012H	492		4.7	4.0	43
5	2120070025	Lưu Tấn	Phú	25/09/2001	CCQ2007A			0.0		
6	2120120666	Nguyễn Văn	Quân	25/02/2002	CCQ2012H	251		5.7	93	79
7	2120170335	Nguyễn Nhất	Quang	05/10/2002	CCQ2017J	320		7.4	45	57
8	2122130087	Nguyễn Quan Thiên	Quý	07/12/2004	CCQ2213C	492		5.8	63	61
9	2122170416	Phan Đình	Quốc	07/10/2004	CCQ2217K			0.0		
10	2120100022	Huỳnh Nguyễn Như	Quỳnh	12/11/2002	CCQ2010A	251		4.0	61	53
11	2120240075	Kiều Nữ Diễm	Quỳnh	07/08/2002	CCQ2024C	320		7.8	82	80
12	2121170431	Phạm Văn	Sáng	14/11/2002	CCQ2117M	492		5.9	74	68
13	2121170259	Dư Tiến	Sỹ	03/02/2003	CCQ2117H	174		4.9	64	58
14	2122170008	Huỳnh Văn	Tài	12/10/2004	CCQ2217A	251		7.7	55	64
15	2122030105	Lưu Văn	Tài	14/07/2004	CCQ2203D			0.0		
16	2122120414	Hoàng Văn	Tâm	19/08/2004	CCQ2212M	492		8.0	75	77
17	2122120291	Đào Lê	Thành	25/01/2004	CCQ2212I	174		8.6	75	79
18	2122170074	Nguyễn Quốc	Thuận	23/05/2004	CCQ2217B	251		4.2	29	34
19	2122110436	Hoàng Thanh	Thường	25/08/2004	CCQ2211A	320		3.2	42	38
20	2122170301	Trần Công	Tín	25/02/2004	CCQ2217H	492		5.3	59	57
21	2122210083	Khổng Hà	Trâm	27/10/2004	CCQ2221F	174		6.6	58	61
22	2122190058	Phan Thị Thanh	Trâm	28/09/2004	CCQ2219B	251		7.9	61	68
23	2122130065	Trần Nguyễn Phương	Trang	09/07/2004	CCQ2213D	320		5.5	76	68
24	2122100214	Trần Thị Thùy	Trang	28/04/2004	CCQ2220A	492		7.6	62	68
25	2120050139	Đỗ Quốc	Trương	30/07/2002	CCQ2005D	174		4.4	57	52
26	2122210177	Nguyễn Cẩm	Tú	25/12/2004	CCQ2221E	251		5.9	54	56
27	2122170374	Phạm Anh	Tuấn	07/05/2004	CCQ2217J	320		7.3	53	61
28	2122260093	Hồ Thanh	Tuyền	25/06/2004	CCQ2226C	492		6.0	57	58

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 (2022-2023)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Anh văn cơ bản (22410301)

Ngày thi: 26/08/2023

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B102

Số SV có mặt: 27

Số bài thi: 27

Số tờ giấy thi: 27

(Handwritten signatures and names)
Lê Tuấn Pháo N.T. Tỉnh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ. QT (40%)	Đ. Thi (60%)	Điểm HP
29	2122170290	Lê Quang Vinh	21/12/2004	CCQ2217H	174	<i>(Signature)</i>	4.3	52	48
30	2122170287	Nguyễn Ngọc Vinh	28/05/2004	CCQ2217H	174	<i>(Signature)</i>	4.9	62	57